ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 785 /QĐ-UBND	*Thái Bình, ngày 23 tháng 4 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt khối lượng xi măng hỗ trợ xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới đối với các công trình nhóm 1 và nhóm 2 cho các xã thuộc các huyện: Kiến Xương, Tiền Hải và Thái Thụy.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 09/2011/QĐ-UBND ngày 16/8/2011 ban hành Quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ và quản lý đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới tỉnh Thái Bình, giai đoạn 2011-2015; số 02/2013/QĐ-UBND ngày 07/02/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ và quản lý đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới ban hành kèm theo Quyết định số 09/2011/QĐ-UBND ngày 16/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh; số 19/2013/QĐ-UBND ngày 07/11/2013 sửa đổi một số nội dung của Quyết định số 02/2013/QĐ-UBND ngày 07/02/2013; số 1411/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 về việc bổ sung một số nội dung về chủ trương hỗ trợ xi măng xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới tỉnh Thái Bình, năm 2014;

Xét đề nghị của Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh tại Tờ trình số 38/TTr-VPĐP ngày 20/4/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt khối lượng xi măng hỗ trợ xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới đối với các công trình nhóm 1 và nhóm 2 cho các xã thuộc các huyện: Kiến Xương, Tiền Hải và Thái Thụy, với tổng khối lượng bổ sung: 2.148,7 tấn (06 xã), cụ thể:

- Huyện Kiến Xương: 375,9 tấn (02 xã);
- Huyện Tiền Hải: 1.599,8 tấn (03 xã);
- Huyện Thái Thụy: 173,0 tấn (01 xã);

(Có Phụ lục 1, 2, 3,4 chi tiết kèm theo).

Điều 2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1, các cấp, các sở, ngành, đơn vị có trách nhiệm:

- Sở Thông tin và Truyền thông thông báo khối lượng xi măng hỗ trợ cho các xã thuộc các huyện: Kiến Xương, Tiền Hải và Thái Thụy được phê duyệt trên Cổng Thông tin Điện tử của tỉnh;

- Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo khối lượng xi măng hỗ trợ theo đơn vị xã; đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo kế hoạch được duyệt;

- Quỹ Đầu tư và Phát triển Thái Bình chủ trì, phối hợp với Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện: Kiến Xương, Tiền Hải, Thái Thụy và doanh nghiệp cung ứng xi măng tổ chức giao, nhận xi măng cho các xã theo kế hoạch được duyệt;

- Ủy ban nhân dân các huyện: Kiến Xương, Tiền Hải, Thái Thụy và Ủy ban nhân dân các xã có tên tại Điều 1: Thực hiện việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng xi măng; thực hiện thanh, quyết toán khối lượng xi măng được hỗ trợ đảm bảo quy định; quản lý đầu tư xây dựng công trình theo đúng quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và hướng dẫn của các sở, ngành chuyên môn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Giám đốc sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông; Chánh Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh; Giám đốc Quỹ Đầu tư và Phát triển Thái Bình; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kiến Xương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tiền Hải; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thái Thụy; Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Duyên Hà; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã có tên tại Điều 1; Giám đốc sở, Thủ trưởng ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới (Sở Nông nghiệp và PTNT);
- Đài Phát thanh và Truyền hình Thái Bình;
- Báo Thái Bình;
- Cổng Thông tin Điện tử tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, NNTNMT, KHTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Ca

Phụ lục 1

KHỐI LƯỢNG XI MĂNG HỖ TRỢ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH NHÓM 1 VÀ NHÓM 2 CHO CÁC XÃ THUỘC CÁC HUYỆN: KIẾN XƯƠNG, TIỀN HẢI VÀ THÁI THỤY

(Kèm theo Quyết định số 185 /QĐ-UBND ngày 23 /4/2015 của UBND tỉnh).

STT	HUYỆN/XÃ	KHỐI LƯỢNG XI MĂNG (tấn)	GHI CHÚ
	Tổng cộng (06 xã)	**2.148,7**	
I	**Kiến Xương (02 xã)**	**375,9**	
1	Quang Lịch	301,9	
2	Vũ Trung	74,0	
II	**Tiền Hải (03 xã)**	**1.599,8**	
1	Đông Hoàng	237,8	
2	Nam Hải	1.256,9	
3	Thị trấn Tiền Hải	105,1	
III	**Thái Thụy (01 xã)**	**173,0**	
1	Thái An	173,0	

Phụ lục 2:

DANH MỤC CHI TIẾT CÁC CÔNG TRÌNH CỦA CÁC XÃ ĐƯỢC HỖ TRỢ XI MĂNG, HUYỆN KIẾN XƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 785 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2015 của UBND tỉnh).

STT	Danh mục công trình	Quy mô đầu tư (m,m2)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Khối lượng xi măng (tấn)
	Tổng cộng (02 xã)			**375,9**
1	**Xã Quang Lịch**			**301,9**
*	**Đường giao thông trục thôn**			**119,6**
	Thôn Luật trung: Từ ông Lai- Đồng Quan	610	*Bm 3,5m; BT M200; dày 16cm*	119,6
*	**Đường nhánh cấp 1 giao thông trục thôn**			**182,3**
	Bm 3,0m	***340***	***Bm 3,0m; BT M200; dày 14cm***	***50,0***
	Thôn Luật Nội Tây: Đường 219 đến Đồng xa	261		38,4
	Thôn Luật Nội Tây: Đường vào Trạm xá	79		11,6
	Bm 2,5m	***1.075***	***Bm 3,0m; BT M200; dày 14cm***	***132,3***
	Thôn Luật ngoại 2: Ông Tân đến ông Uy	100		12,3
	Thôn Luật ngoại 2: Ngõ ông chính - đến sân kho	253		31,1
	Thôn luật nội đông: Ngõ ông nghĩa	85		10,5
	Thôn luật nội đông: Ngõ ông Hưng	40		4,9
	Thôn luật nội đông: Ngõ ông Vượng	50		6,2
	Thôn Luật nội tây: Ngõ ông Thành đến ông Trường	80		9,8
	Thôn Luật nội tây: Ngõ ông huy	58		7,1
	Thôn Luật nội tây: Ngõ ông Thái	150		18,5
	Thôn Luật nội tây: Ngõ ông Kích đến nhà thờ	95		11,7
	Thôn Luật nội tây: Ngõ ông Thập	52		6,4
	Thôn Luật nội tây: Đường 219 đến ông Xuyên	112		13,8
2	**Xã Vũ Trung**			**74,0**
*	**Công trình nhóm 2**			**74,0**
	Đơn nguyên 2 nhà học 3 tầng 18 phòng-trường Tiểu học xã			74,0

Phụ lục 3:

DANH MỤC CHI TIẾT CÁC CÔNG TRÌNH CỦA CÁC XÃ ĐƯỢC HỖ TRỢ XI MĂNG, HUYỆN TIỀN HẢI

(Kèm theo Quyết định số 785 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2015 của UBND tỉnh).

STT	Danh mục công trình	Quy mô đầu tư (m,m2)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Khối lượng xi măng (tấn)
	Tổng số (03 xã)			**1.599,8**
1	**Xã Đông Hoàng**			**237,8**
*	**Đường giao thông trục thôn**			**237,8**
	Bm 3,5m	***105***	***Bm 3,5m, BT M200, dày 16cm***	***20,6***
	Từ Đê 6 đến sân thể thao xã	105		20,6
	Bm 3,0m	***1.293***	***Bm 3,0m, BT M200, dày 16cm***	***217,2***
	Đường liên thôn (nghĩa trang), từ 19/5- sông TTN	1.143		192,0
	Đường vào bãi rác khu1+khu2	150		25,2
2	**Xã Nam Hải**			**1.256,9**
*	**Đường giao thông trục xã**	**3.202**		**1.256,9**
	Từ UBND xã- nhà ông Chức	406	***Bm 5,0m; BT M200; dày 20cm***	182,7
	Từ nhà ông Sự- Kính Danh	751		338,0
	Từ nhà ông Thâm- ông Yên	1.365	***Bm 4,0m; BT M200; dày 20cm***	491,4
	Từ nhà ông Hùng - Trạm BA số 2	680		244,8
3	**Thị trấn Tiền Hải**			**105,1**
	Đường giao thông trục xã		***Bm 3,5m,BT M300, dày 18cm***	**105,1**
	Từ cầu trạm bơm ra nghĩa trang nhân dân	370		105,1

Phụ lục 4:

DANH MỤC CHI TIẾT CÁC CÔNG TRÌNH CỦA CÁC XÃ ĐƯỢC HỖ TRỢ XI MĂNG, HUYỆN THÁI THỤY

(Kèm theo Quyết định số 785 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2015 của UBND tỉnh).

STT	Danh mục công trình	Quy mô đầu tư (m,m2)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Khối lượng xi măng (tấn)
	Tổng số (01 xã)			**173,0**
1	**Xã Thái An**			**173,0**
*	**Đường giao thông trục thôn**			**173,0**
	Bm 3,5m	***1.030***	***Bm 3,5m, BT M200, dày 16cm***	***173,0***
	Từ nhà ông Đông đến ông Tuyến	740		124,3
	Cửa anh Lục đến anh Tuyên	290		48,7

Văn bản được ký số bởi:
Văn phòng UBND tỉnh

Thời gian ký số:
24/04/2015 08:17:43